TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM
Độc L - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2021/ HS - ST
Ngày 27 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Như Long
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Viết Bình
Bà: Nguyễn Thị Hằng Hải

Thư ký phiên toà: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Bùi Đỗ Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2021/TLST-HS ngày 27/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HS ngày 16/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn V (Tên gọi khác: Không) – Sinh ngày: 16/6/1993 tại xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn Tượng 1, xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Không xác định được bố đẻ; Con bà: Nông Thị L - Sinh năm: 1968; Bố dượng: Hà Văn V - Sinh Năm 1960. Đều Trú tại: Thôn Tượng 1, xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/5/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện B - Có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn V: Bà Phạm Thị Hoa Huỳnh - Trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Nông Văn Ng (Tên gọi khác: L) – Sinh ngày: 26/5/1975 tại xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn Tượng 1, xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nông Văn S - Sinh năm: 1939 (Đã chết); Con bà: Vàng Thị Th - Sinh năm: 1942 (Đã chết).

Vợ Hoàng Thị X - Sinh năm: 1978 (Đã ly hôn).

Bị cáo chưa có con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 08 (Tám) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 47/2012/HSST ngày 18/9/2012. Về trách nhiệm dân sự Nông Văn Ng phải liên đới bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 83.384.000 đồng; chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm là 4.539.000 đồng. Ngày 04/10/2018 Nông Văn Ng chấp hành xong hình phạt tù. Đối với các quyết định khác của bản án Nông Văn Ng chưa chấp hành. Nên bị cáo chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/7/2021, tạm giam từ ngày 13/7/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B - Có mặt tại phiên toà.

3. Trần Văn Q (Tên gọi khác: Không) – Sinh ngày: 23/02/1993 tại xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn Tượng 1, xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Trần Văn K - Sinh năm: 1954 (Đã chết); Con bà: Hoàng Thị Ph - Sinh năm: 1959; Trú tại: Thôn Tượng 1, xã Hợp Thành, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/5/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện B - Có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Anh Vàng Sùn Nh - Sinh năm: 1976 và chị Chảo Thị G; Sinh năm: 1971.

Đều Trú tại: Thôn N, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Chảo Thị G lả anh Vàng Sùn Nh - Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi Ng vụ liên quan: Anh Lộc Văn L - Sinh năm: 1987.

Trú tại: Bản L3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng: Chị Nông Thị L, anh Vi Tiến Đ - Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 29/4/2021, Nông Văn V và Nông Văn Ng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh không biển kiểm soát đi từ xã

B, thị xã S, tỉnh Lào Cai để về nhà ở thôn Tượng 1, xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Trước khi đi, Nông Văn V đã nảy sinh ý định nếu thấy trên đường có xe mô tô của người dân để sơ hở sẽ trộm cắp nhưng không nói với Ng. Khoảng 12 giờ cùng ngày, V điều khiển xe chở Ng ngồi phía sau, đi đến đoạn Km 36 + 800 đường tỉnh lộ 152 thuộc địa phận Thôn N, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai, V nhìn thấy ở phía bên trái đường theo hướng đi có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha màu Trắng - Bạc - Đen BKS 90B1-724.73 đang dựng cạnh một lán gỗ nhỏ bên trong lề đường, V quyết định lấy trộm chiếc xe này nên điều khiển xe đi sang đường, dựng xe ở lề đường ngang với lán gỗ. V bảo Ng đi vào trong lán ngồi nghỉ, ăn bánh mì. Ngồi nghỉ một lúc, V đứng lên quan sát xung quanh, không có ai trộng coi chiếc xe, đồng thời V nói với Ng: *"Cậu cho cháu mượn chìa khóa xe, cháu vặn thử có mở được con xe kia không, mở được thì cháu lấy"*. Ng hiểu là V muốn trộm cắp chiếc xe mô tô đang dựng cạnh lán nên đồng ý và đưa chìa khóa xe của mình cho V. V tiến lại gần chiếc xe mô tô BKS 90B1- 724.73, cắm chìa khóa vào ổ khóa điện rồi vặn lắc ổ khóa xe khoảng một phút thì mở được khóa xe. V rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa đưa lại cho Ng rồi nhanh chóng đạp cần khởi động, nổ máy điều khiển chiếc xe mô tô này đi ra đường tỉnh lộ 152 về hướng xã G, huyện B. Thấy vậy, Ng cũng nhanh chóng điều khiển xe mô tô không biển kiểm soát của Ng đi theo sau V. Khi đến khu vực xã Thống Nhất, thành phố L, V và Ng dừng lại mở cốp xe kiểm tra bên trong thì thấy có giấy đăng ký xe mang tên Đặng Văn Q sinh năm 1990. Sau đó V mượn điện thoại của Ng gọi cho Trần Văn Q nói với Q *"Mày có mua xe không, tao vừa lấy trộm được một con, có cả đăng ký"*. Q đồng ý mua và hai bên thỏa thuận giá là 5.000.000 đồng. Sau đó, V và Ng hẹn gặp Q ở khu vực hồ thải thuộc thôn Vạch, xã Cam Đường, thành phố L, để giao xe và nhận tiền. Tại đây, Q trả trước cho V số tiền là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), số tiền còn lại Q hẹn trả sau. V đồng ý nhận tiền rồi giao xe (không có chìa khóa) và giấy đăng ký xe cho Q. Số tiền bán được xe cho Q, V chia cho Ng 1.000.000 đồng, còn lại V giữ 1.400.000đ, cả hai đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này. Sau khi mua được xe, Q dùng chiếc chìa khóa Q nhặt được từ trước để mở khóa xe sử dụng đi lại. Bốn ngày sau, V mượn điện thoại của Ng gọi cho Q để đòi nốt số tiền còn thiếu nhưng Q không có tiền trả nên V, Q và Ng đã bàn bạc mang chiếc xe máy Trần Văn Q mua của V đi bán để lấy tiền trả lại cho Q 2.400.000 đồng và phần còn lại cùng nhau tiêu xài. Ngày 05/5/2021, V, Ng và Q cùng đến Bản L3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai để tìm địa điểm bán chiếc xe mô tô Do V và Ng trộm cắp được. Tại đây, các bị cáo vào cửa hàng mua bán xe máy cũ của vợ chồng anh Lộc Văn L - Sinh năm 1987 và chị Hoàng Thị D - Sinh năm 1993, cùng trú tại Bản L3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. V đứng ở ngoài chờ, Ng và Q vào gặp anh Lộc Văn L để trực tiếp trao đổi mua bán chiếc xe mô tô BKS 90B1-724.73. Quá trình trao đổi mua bán, Ng nói dối chiếc xe là tài sản của Ng nhưng do Ng không biết chữ nên nhờ Q đứng tên làm thủ tục mua bán chiếc xe. Anh Long tin tưởng, đồng ý mua chiếc xe với giá 7.000.000 đồng (Bảy

triệu đồng) và bảo chị Hoàng Thị D viết giấy tờ mua bán chiếc xe. Q đọc tên và địa chỉ giả là *"Phạm Văn L, trú tại thôn Đ, thành phố L"* cho chị D ghi vào giấy mua bán. Sau khi bán được xe, Ng cầm số tiền 7.000.000 đồng rồi cả 03 bị cáo cùng nhau ra về bằng xe máy của Ng. Trên đường về, Ng đã dùng số tiền bán xe mua xăng hết 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) và mua ma túy loại Heroine của một người đàn ông không xác định được tên, tuổi, địa chỉ với số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) ở khu vực xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Còn lại số tiền 6.300.000 đồng Ng đưa cho V. V đưa cho Q 2.400.000 đồng, đưa cho Ng 1.900.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng V giữ cho bản thân, số tiền này các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với số ma túy Ng mua được, các bị cáo đã chia nhau sử dụng hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL - HĐĐGTS ngày 19/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu Trắng - Bạc - Đen BKS 90B1-724.73 tại thời điểm định giá tháng 5/2021 có trị giá **9.000.000** *(Chín triệu* đồng).

Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu Trắng - Bạc - Đen BKS 90B1-724.73; 01 đăng ký xe mang tên Đặng Văn Q. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô và đăng ký xe trên thuộc sở hữu hợp pháp của anh Vàng Sùn Nh - Sinh năm 1976 và vợ là chị Chảo Thị G - Sinh năm 1971, cùng trú tại Thôn N, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 17 ngày 28/7/2021 trả lại chiếc xe cùng giấy đăng ký xe cho vợ chồng bị hại Vàng Sùn Nh.

Đối với 01 chìa khóa xe máy hai cạnh màu đen có in chữ "A88" là chiếc chìa khóa bị cáo Trần Văn Q dùng để mở khóa chiếc xe BKS 90B1 - 724.73 sau khi mua được của V để đi lại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu đen loại có bàn phím bấm đã qua sử dụng kèm 01 sim điện thoại Viettel số thuê bao 0369560095 thu giữ của bị cáo Nông Văn Ng là chiếc điện thoại và sim điện thoại mà Ng đã cho V mượn để liên lạc với Q trao đổi bàn bạc việc mua bán xe. Đây là những vật chứng của vụ án là công cụ phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hiện cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện B để phục vụ công tác xét xử và thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh không biển kiểm soát các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội hiện đang là vật chứng trong một vụ án khác đã được Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố L thu giữ, xử lý theo quy định.

Đối với chiếc chìa khóa bị cáo Nông Văn V sử dụng để mở khóa chiếc xe trộm cắp và chiếc điện thoại của bị cáo Trần Văn Q sử dụng để liên lạc với bị cáo Nông Văn V trao đổi việc mua bán xe, các bị cáo khai đã làm rơi trên đường đi nhưng không rõ rơi ở khu vực nào nên cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Vàng Sùn Nh sau khi nhận lại chiếc xe bị mất, anh Vàng Sùn Nh còn yêu cầu các bị cáo Nông Văn V và Nông Văn Ng phải có trách nhiệm bồi thường cho anh số tiền chi phí công đi tìm xe là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Quá trình điều tra các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng nhất trí thỏa thuận bồi thường cho anh Vàng Sùn Nh mỗi bị cáo là 1.500.000 đồng.

Anh Lộc Văn L là người có quyền lợi Ng vụ liên quan yêu cầu các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng, Trần Văn Q phải phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh số tiền anh bỏ ra mua chiếc xe đã bị cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho người bị hại là 7.000.000 đồng (Bẩy triệu đồng). Các bị cáo đều nhất trí với yêu cầu của anh Lộc Văn L. Quá trình điều tra các bị cáo đã thỏa thuận thống nhất bị cáo Nông Văn V và Nông Văn Ng mỗi bị cáo hoàn trả cho anh Lộc Văn L số tiền là 2.500.000 đồng; Bị cáo Trần Văn Q hoàn trả cho anh Lộc Văn L số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện tại các bị cáo chưa có tiền để bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi Ng vụ liên quan theo thỏa thuận.

Cáo trạng số 31/CT-VKSBT ngày 26/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng phạm tội " Trộm cắp tài sản". Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội" Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Văn V từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Văn Ng từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ Luật hình sự; Các Điều 288, 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự buộc các bị cáo Nông Văn V và Nông Văn Ng phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại anh Vàng Sùn Nh số tiền chi phí đi tìm xe là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và buộc các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng, Trần Văn Q phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người có quyền lợi Ng vụ liên quan anh Lộc Văn L tổng số tiền 7.000.000đ (Bẩy triệu đồng).

Tuyên truy thu của Nông Văn V 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) của Nông Văn Ng 1.000.000đ (Một triệu đồng) là khoản tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Viện kiểm sát đề nghị căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. tuyên tịch thu: 01 chìa khóa xe máy hai cạnh màu đen có in chữ "A88", 01 sim điện thoại Viettel số thuê bao 0369560095 thu giữ của bị cáo Nông Văn Ng là vật chứng không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy; Tich thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu đen loại có bàn phím bấm đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nông Văn Ng để sung công quỹ nhà nước.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi Ng vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nông Văn V: Tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo Nông Văn V người bào chữa cho bị cáo nhất trí với ý kiến quan điểm đề nghị cùa đại diện Viện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm bồi thường dân sự và xử lý vật chứng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo Nông Văn V với mức án là 09 (Chín) tháng tù.

Về hình phạt bổ xung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Lào Cai, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi Ng vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng với trình tự thủ tục tố tụng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Ngày 29/4/2021 Nông Văn V và Nông Văn Ng là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật. Nông Văn V chở Nông Văn Ng bằng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu xanh không biển kiểm soát đi từ xã B, thị xã S, tỉnh Lào Cai về nhà tại thôn Tượng 1, xã H, thành phố L. Trước khi đi V đã có ý định nếu thấy trên đường có xe mô tô của người dân để sơ hở thì sẽ trộm cắp nhưng V không nói cho Ng biết. Trên đường về đến đoạn

đường Km 36 + 800 đường tỉnh lộ 152 thuộc địa phận Thôn N, xã G, huyện B, Nông Văn V phát hiện bên trái đường theo hướng đi có 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha màu Trắng - Bạc - Đen biển kiểm soát 90B1 - 724.73 đang dựng cạnh một lán nhỏ bên lề đường, đồng thời Nông Văn V đã điều khiển xe đi sang đường dựng ở lề đường ngang với lán gỗ. Nông Văn V bảo với Nông Văn Ng đi vào trong lán ngồi nghỉ và ăn bánh mỳ, được một lúc V đứng lên quan sát sung quanh không có người qua lại đồng thời lúc này V nói với Ng "Cậu cho cháu mượn chìa khóa xe, cháu vặn thử có mở được con xe kia không, mở được thì cháu lấy" Nông Văn Ng đồng ý đưa chìa khóa xe cho V, V tiến lại gần chiếc xe, cắm chìa vào ổ khóa rồi vặn lắc ổ khóa khoảng một phút thì mở được xe. Sau khi mở được xe V rút chìa khóa trả lại cho Ng đồng thời đạp cần khởi động nổ máy và điều khiển xe đi ra đường tỉnh lộ 152 về hướng xã G. Thấy vậy Nông Văn Ng cũng điều khiển xe không biển kiểm soát của Ng đi theo sau. Khi cả hai đến xã Thống Nhất, thành phố L thì dừng lại mở cốp kiểm tra thấy bên trong có 01 đăng ký xe mang tên Đặng Văn Q. Tiếp đó Nông Văn V mượn điện thoại của Ng điện thoại cho Trần Văn Q nói với Q"Mày có mua xe không, tao vừa lấy trộm được một con, có cả đăng ký" Nông Văn Q đồng ý mua chiếc xe và hai bên đã thỏa thuận với nhau với giá là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), sau đó V, Ng hẹn gặp Trần Văn Q tại khu vực hồ thải thuộc thôn Vạch, xã Cam Đường, thành phố L để giao xe và nhận tiền. Tại đây Trần Văn Q đã trả cho V 2.400.000đ còn nợ lại V sẽ trả sau, V đồng ý. Số tiền bán được xe cho Trần Văn Q V đã chia cho Nông Văn Ng 1.000.000đ còn lại 1400.000đ V sử dụng và đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bán xe cho Trần Văn Q được 04 ngày sau V đã mượn điện thoại của Ng điện cho Trần Văn Q đòi tiền nhưng Q chưa có tiền trả nên V, Ng và Q đã bàn bạc đem xe đi bán lấy tiền về trả cho Q 2.400.000đ còn lại thì cùng nhau tiêu sài. Ngày 05/5/2021 V Ng và Q đã đem chiếc xe trộm cắp được bán cho anh Lộc Văn L tại Bản L3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai được 7.000.000đ (Bẩy triệu đồng) số tiền bán được xe cho anh Lộc Văn L các bị cáo đã sử dụng 100.000đ để mua xăng, 600.000đ mua ma túy chia nhau sử dụng, còn lại 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) Nông Văn V đưa cho Trần Văn Q 2.400.000đ, đưa cho Ng 1.900.000đ, còn lại 2.000.000đ Nông Văn V chi tiêu cá nhận hết.

Quá trình điều tra các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản là chiếc xe biển kiểm soát 90B1. 724.73 trị giá 9.000.000đ của anh Vàng Sùn Nh và chị Chảo Thị G. Bị cáo Trần Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi Ng vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng đã phạm tội " Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Trần Văn Q phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Mặt khác về nhân thân các bị cáo đều là những đối tượng nghiện chất ma túy. Do vậy đối với các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh và lên một mức hình phạt phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này Nông Văn V, Nông Văn Ng phạm tội trộm cắp tài sản có tính chất đồng phạm giản đơn, Nông Văn V với vai trò là người chủ mưu, khởi xướng, Nông Văn Ng với vai trò giúp sức tích cực. Bị cáo Trần Văn Q là người biết rõ tài sản do các bị cáo Nông Văn V và Nông Văn Ng trộm cắp được mà có nhưng bị cáo Trần Văn Q vẫn mua chiếc xe do các bị cáo V và Ng phạm tội mà có, đồng thời khi không có đủ tiền trả cho V và Ng thì bị cáo đã bàn bạc cùng với các bị cáo V và Ng đem chiếc xe đi bán cho anh Lộc Văn L với giá 7.000.000đ lấy tiền chia nhau và tiêu sài cá nhân hết. Do vậy Trần Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò độc L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3]Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo Nông Văn V và Trần Văn Q không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nông Văn Ng có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự là "Tái phạm".

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng, Trần Văn Q đều có chung 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là "Phạm tội gây thiệt hại không lớn" " Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải". Bị cáo Trần Văn Q còn có thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng". Đối Với Bị cáo Nông Văn Ng còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là " Đầu thú". Do vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thể hiện tính khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều là những đối tượng nghiện chất ma túy, không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng. Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Vàng Sùn Nh sau khi nhận lại chiếc xe bị mất, anh Vàng Sùn Nh còn có yêu cầu các bị cáo Nông Văn V và Nông Văn Ng phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh số tiền chi phí công đi tìm xe là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Quá trình điều tra các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng nhất trí thỏa thuận bồi thường cho anh Vàng Sùn

Nh mỗi bị cáo là 1.500.000 đồng.

Anh Lộc Văn L là người có quyền lợi Ng vụ liên quan yêu cầu các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng, Trần Văn Q phải phải có trách nhiệm liên đới bồi thường hoàn trả cho anh số tiền anh bỏ ra mua chiếc xe đã bị cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho người bị hại là 7.000.000 đồng (Bẩy triệu đồng). Các bị cáo đều nhất trí với yêu cầu của anh Lộc Văn L. Quá trình điều tra các bị cáo đã thỏa thuận thống nhất bị cáo Nông Văn V và Nông Văn Ng mỗi bị cáo bồi thường hoàn trả cho anh Lộc Văn L số tiền là 2.500.000 đồng; Bị cáo Trần Văn Q bồi thường hoàn trả cho anh Lộc Văn L số tiền 2.000.000 đồng.

Xét thấy sự thỏa thuận của người bị hại, người có quyền lợi Ng vụ liên quan và các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho nhau. Tuy nhiên hiện tại các bị cáo chưa có tiền để bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi Ng vụ liên quan theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử cần chấp nhận sự thỏa thuận trên là phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

- Đối với số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) Nông Văn V bán xe cho Trần Văn Q, V đã chi tiêu hết và 1.000.000đ (Một triệu đồng) Nông Văn Ng được Nông Văn V chia sau khi cả hai bán xe cho Trần Văn Q hiện Ng đã chi tiêu hết. Đây là số tiền thu lợi do phạm tội mà có của Nông Văn V và Nông Văn Ng. Hội đồng xét xử cần tuyên truy thu của bị cáo Nông Văn V 1.400.000đ và của Nông Văn Ng 1.000.000đ để xung công quỹ nhà nước.

[7]Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu Trắng - Bạc - Đen BKS 90B1-724.73; 01 đăng ký xe mang tên Đặng Văn Q. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu hợp pháp của anh Vàng Sùn Nh - Sinh năm 1976 và vợ là chị Chảo Thị G - Sinh năm 1971, cùng trú tại Thôn N, xã G, huyện B, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 17 ngày 28/7/2021 trả lại chiếc xe cùng giấy đăng ký xe cho vợ chồng bị hại Vàng Sùn Nh. Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 chìa khóa xe máy hai cạnh màu đen có in chữ "A88" thu giữ của Trần Văn Q là vật chứng không còn giá trị sử dụng, hiện đang lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu để tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu đen loại có bàn phím bấm đã qua sử dụng kèm theo 01 sim điện thoại Viettel số thuê bao 0369560095 thu giữ của bị cáo Nông Văn Ng là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, hiện đang lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự, huyện B. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu để sung công quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng, Trần Văn Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng phạm tội " Trộm cắp tài sản". Bị cáo Trần Văn Q phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1. Về hình phạt:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn V 09 (Chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/5/2021.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn Ng 09 (Chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 10/7/2021.

Căn cứ Khoản 1 Điều 323; Điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 07 (Bẩy) tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/5/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ Luật hình sự; Các Điều 288, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự:

Xử buộc các bị cáo Nông Văn V và Nông Văn Ng phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại anh Vàng Sùn Nh số tiền chi phí đi tìm xe là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Phần cụ thể bị cáo Nông Văn V là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), Nông Văn Ng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Xử buộc các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng, Trần Văn Q phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người có quyền lợi Ng vụ liên quan anh Lộc Văn L tổng số tiền 7.000.000đ (Bẩy triệu đồng). Phần cụ thể của bị cáo Nông Văn V là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), Nông Văn Ng là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), Trần Văn Q là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tuyên truy thu của bị cáo Nông Văn V 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Nông Văn Ng 1.000.000đ (Một triệu đồng) là khoản tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu:

- 01 chìa khóa xe máy hai cạnh màu đen có in chữ "A88" thu giữ của Trần Văn Q là vật chứng không còn giá trị sử dụng, hiện đang lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện B để tiêu hủy.

- Tuyên tịch thu: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu đen loại có bàn phím bấm đã qua sử dụng kèm 01 sim điện thoại Viettel số thuê bao 0369560095 thu giữ của bị cáo Nông Văn Ng. Hiện đang lưu giưc tại chi cục thi hành án dân sự, huyện B để sung công quỹ nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nông Văn V, Nông Văn Ng, Trần Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi Ng vụ liên quan. Báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi Ng vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND tỉnh Lào Cai;*
- *Sở tư pháp tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND huyện B;*
- *Công an huyện B(03);*
- *Nhà tạm giữ công an huyện B;*
- *Cơ quan THAHS công an tỉnh Lào Cai*;
- *THA HS - DS (06);*
- *Các bị cáo (03);*
- *Người bào chữa cho bị cáo V;*
- *Bị hại;*
- *Người có QLNVLQ;*
- *Lưu HS – TA- VP(03).*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Như Long